| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN Đ**<br>**TỈNH LONG AN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 54/2021/DS-ST
Ngày: 29-4-2021
V/v tranh chấp "Hợp đồng vay"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH LONG AN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Trần Hồng Sơn,

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1/ Bà Trần Thị Đổi,

2/ Ông Nguyễn Thanh Hoàng.

***- Thư ký phiên tòa***: Ông Phan Thanh Tú – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An.

Ngày 29 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2021/TLST-DS ngày 21 tháng 01 năm 2021 về tranh chấp "Hợp đồng vay" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2021/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Võ Thị H, sinh năm 1979; Ủy quyền cho ông Đào Thành C, sinh năm 1974; Cùng địa chỉ: Ấp BT1, xã ĐHH, huyện Đ, tỉnh Long An. (xin vắng mặt)

- *Bị đơn:* Nguyễn Văn T, sinh năm 1968. (xin vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: Ấp BL, xã HkĐ, huyện Đ, tỉnh Long An; tạm trú: 297D, Kv4, thị trấn ĐH, huyện Đ, tỉnh Long An.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 12 năm 2020, bản tự khai, *đại diện nguyên đơn ông Đào Thành C trình bày:*

Ngày 08/8/2020, bà H có cho ông T mượn 100.000.000 đồng. Khi mượn tiền hai bên có làm giấy mượn tiền, không thỏa thuận lãi suất, thời hạn mượn là 1 tháng. Bà H nhiều lần yêu cầu ông T trả nhưng ông T cố tình tránh né không trả nên bà H khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn T trả 100.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, không yêu cầu vợ ông T cùng trả nợ.

*Tại bản tự khai bị đơn Nguyễn Văn T trình bày như sau:* Ông thống nhất có mượn 100.000.000 đồng của bà H, do ông C đại diện. Nay ông đồng ý trả cho bà H 100.000.000 đồng và tiền lãi vào ngày 05/4/2021.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về tố tụng:*

[1.1]. Qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" nên Tòa án nhân dân huyện Đ thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt thông báo thụ lý, các văn bản tố tụng cần thiết, đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và các thủ tục theo pháp luật quy định nhưng ông T vắng mặt. Đại diện nguyên đơn ông C có đơn không tiến hành hoà giải nên quyết định đưa vụ án ra xét xử.

[1.3]. Tại phiên tòa, ông C và ông T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự. Ông C đại diện nguyên đơn không yêu cầu vợ ông T cùng trả nợ nên Tòa án không đưa vợ ông T vào tham gia tố tụng là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. *Về nội dung*:

[2.1]. Ông C đại diện bà H khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn T trả 100.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, không yêu cầu vợ ông T cùng trả nợ. Bị đơn xin vắng mặt, không có yêu cầu phản tố. Căn cứ Khoản 1 Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chỉ xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.2]. Ông C đại diện bà H khởi kiện yêu cầu ông T trả 100.000.000 đồng. Ông T đồng ý trả cho bà H 100.000.000 đồng vào ngày 05/4/2021 là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015 nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3]. Về lãi suất: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà H không yêu cầu lãi suất phát sinh do chậm trả nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông T phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị H đối với ông Nguyễn Văn T về việc tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản".

Buộc ông Nguyễn Văn T có trách nhiệm hoàn trả cho bà Võ Thị H số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng)

Khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, bên có nghĩa vụ chậm thi hành sẽ phải chịu thêm khoản tiền lãi tính trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 tương ứng với thời gian chưa thi hành án, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông T nộp 5.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước; Hoàn lại cho bà H tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000 đồng theo biên lai số 0007367 ngày 20/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

3. Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
*- Các đương sự;*
*- VKSND huyện Đ;*
*- TAND tỉnh Long An;*
*- Chi cục THADS huyện Đ;*
*- Lưu hồ sơ, án văn.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Trần Hồng Sơn**